

VĂN HÓA NƯỚC VÀ HÀNG HẢI THỜI CỔ CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Thanh Lợi

Ở nước ta, những nghiên cứu về hàng hải cổ trong thư tịch quá ít ỏi. Một vài công trình có giá trị nhưng lại đều do người nước ngoài, chủ yếu là người Pháp biên soạn như: *Bateaux en Indochine* (Tàu thuyền Đông Dương, Jean Poujade, Testelin, 1940), *Esquisse d'une Ethnographie Navale des peuples annamites* (Khảo cứu về hàng hải của người Việt Nam, Pierre Paris, 1942), *Voiliers d'Indochine* (Thuyền buồm Đông Dương, J.B. Piétri, 1943), *Blue Book of Coastal Vessels South Vietnam* (Thanh thư về tàu thuyền cận duyên miền Nam Việt Nam, 1967), *Bois et Bateaux du Vietnam* (Francoise Aubaile-Sallenave, 1987)...Để lấp bớt khoảng trống ấy, trong nhiều năm qua tác giả Vũ Hữu San đã dày công tìm tòi các nguồn tài liệu từ các thư viện: Quốc hội Hoa Kỳ, Đại học Stanford, Los Angeles, Hawaii, San Jose, Maritime Academy, Mormons Research...để biên soạn nên cuốn sách *Văn hóa nước và hàng hải thời cổ của Việt Nam* (Nxb Phụ nữ, 2017, 626 trang).

Cuốn sách chia làm 12 chương: *Hàng hải thành phần căn bản của văn hóa dân tộc; Hàng hải truyền thống lâu đời Việt Nam; Những cái nhìn mới mẻ về Đông Nam Á và Việt tộc; Những phát minh của dân Việt về ghe thuyền ảnh hưởng đến lịch sử thế giới; Khoảng trống văn học dân tộc ta – những thành tích hàng hải; Người Việt thời cổ và hàng hải; Ảnh hưởng Đông Sơn và văn hóa Việt Nam qua các mặt đại dương theo quan điểm hàng hải; Những thăng trầm trong hàng hải và sinh hoạt biển của Việt Nam; Người Việt và người Trung Hoa thời cổ trong giả thuyết dân Á Đông vượt Thái Bình Dương; Hải quân Việt Nam có từ khi nào?; Hàng hải và rễ bản địa của dân tộc; Nước và triết lý.* Ngoài ra còn có Phụ lục với 7 bài viết bổ trợ cho các chương sách vốn được in rải rác trên các tạp chí trước đây.

Đóng góp của cuốn sách này là đã trình bày được các khía cạnh sinh hoạt của dân Việt xưa trên biển, trong sông, trên mặt nước, dưới lòng nước, cạnh bờ nước...với cái nhìn “văn hóa nước”, chủ yếu qua dấu vết vật chất. Tác giả bàn về chiếc bè, thuyền độc mộc, thuyền gỗ khâu, thuyền đáy mê, mái chèo, cánh buồm, bánh lái, cây xiêm...của

Việt Nam với những đóng góp trong lịch sử hàng hải thế giới. Đó là những sáng tạo độc đáo trong hải sử Việt Nam mà vì nhiều lý do ít được đề cập đến hoặc quá sơ sài.

Chiếc bè hay *mảng*, người Trung Hoa đọc là *B'ai, Palsam*; thổ dân Đài Loan đọc là *P'ai*; người Triều Tiên đọc là *Palson*; dân Polynesia đọc là *Paepae*; người Ecuador đọc là *Balsa*; người Brazil đọc *Jangada*.(tr.138)

Vũ Hữu San cũng lưu ý bạn đọc, khi ông đề cập đến sự phong phú của các thuật ngữ hàng hải trong dân gian như: *áp bổ chèo, áp khẩu, bên đốc, bên lái, chèo, cặc, lòn, hèo, lù, lỗ, ngà, con trôn, ống đụt, ống đôi, xiém...* Những tên gọi mà ngày nay rất khó hiểu nhưng nó vốn được sử dụng phổ biến trong dân đi biển ở xứ ta. (tr.459)

Dựa vào kết quả của khảo cổ học, địa chất học, hải dương học, năm 1983, William Meahcam đã đưa ra giả thuyết về nguồn gốc của biển Đông. Ông cho rằng người Việt thiện nghệ về hàng hải bắt nguồn từ khi nước ở biển Đông dâng cao, vào khoảng 14.000 năm trước, bè tre đã xuất hiện. Nhu cầu vận chuyển trên biển đã thúc đẩy người Việt phát minh ra cánh buồm, bánh lái, thuyền nhiều thân và các bộ phận điều khiển, đem lại sự an toàn cho những chuyến đi. (tr.432)

Hình ảnh chiếc bánh lái đã xuất hiện trên trống đồng Đông Sơn, nhiều thế kỷ trước Công nguyên; còn ở châu Âu đến thế kỷ 12 mới biết đến và áp dụng. Trên trống đồng Hữu Chung (Việt Nam), bánh lái được thiết trí tương tự như một số ghe thuyền ngày nay. (tr.140). Tác giả đã dẫn công trình *The Birth of Vietnam* (Việt Nam thời khai sinh) của học giả Keith Weller Taylor khi nói về dấu vết của hàng hải Việt Nam trên trống đồng Đông Sơn:”*Bỏ qua khía cạnh kỹ thuật, văn minh Đông Sơn ảnh hưởng mạnh mẽ từ những tiếp xúc hàng hải. Các hình vẽ và trang trí trên trống đồng Đông Sơn luôn tạo nên ý tưởng về những biểu tượng của nghệ thuật hàng hải. Các thuyền chở đầy thủy thủ và chiến sĩ bao quanh bởi hải điểu và các loài hải sinh khác chứng minh một cách không thể lầm lẫn về tầm ảnh hưởng của một thế lực dựa trên căn bản của biển cả*”.(tr.370)

Trên trống đồng Đông Sơn, tiền thân của cây *xiém* đã xuất hiện. Cây xiém dùng để chống lực giật ngang, giúp thuyền chạy nhanh và đi chéch ngược với hướng gió. Với cách di chuyển theo chữ chi, dù gió trái chiều với thủy đạo thì thuyền vẫn tới bến. Bè ở Bắc và Trung Việt Nam có tới 3-4 cây xiém. Còn thuyền buồm tiêu biểu hiện nay ở miền

Trung có bánh lái và cây xiêm hình đoản đao (dagger board) đặt trong hai lỗ khoét ra ở mũi và lái. Ở phương Tây bắt đầu áp dụng kỹ thuật này vào đầu thế kỷ 17.(tr.157, 158)

Cánh buồm của thổ dân Nam Mỹ vùng hồ Titicaca rất giống cánh buồm tại trâu vùng Cửa Lò (Nghệ An), cho thấy sự giao lưu hàng hải giữa hai khu vực này, lần đầu tiên được ghi nhận trên hải đồ phương Tây vào năm 1787 qua hình vẽ một chiếc ghe mảnh rất mỹ thuật với đầy đủ buồm, bánh lái, cây xiêm mà lời chú giải cho là bánh lái. (tr.144)

Buồm tứ giác là loại buồm rất hữu hiệu, được sử dụng nhiều nhất tại bờ biển Việt Nam. Theo học giả Shaffer, cánh buồm bản xứ của Đông Nam Á này đã lan sang các nước Ả Rập, chuyển từ buồm tứ giác sang tam giác, thường gọi là buồm *la tinh* (lateen sail).(tr.146)

Nhóm nghiên cứu Advanced Research Project Agency đưa ra ý kiến, các thuyền có thân phụ (outrigger) có lẽ phát minh từ Việt Nam. Loại thuyền nhiều thân này được phát minh để giúp việc đi lại trên biển được thuận lợi hơn. Thuyền nhiều thân không còn ở Việt Nam nhưng những thuyền đi biển, đi sông vẫn còn buộc những cây tre, cây bương bên hông thuyền, tạo sự vững vàng trước sóng gió. Người Mã Lai, Melanesian, Polynesian, Nam Ấn hiện nay vẫn sử dụng loại thuyền này nhiều. Các học giả Edwin Doran, Haddon, Hornell dù không thống nhất với nhau về thứ tự phát minh các ghe thuyền của Thái Bình Dương, nhưng đều cùng nhìn nhận rằng thuyền hai thân khởi nguyên từ Việt Nam (tr.462-463).

Cuốn sách sẽ hoàn chỉnh hơn, nếu tác giả bỏ bớt những nội dung dàn trải, tập trung vào việc làm rõ những chứng cứ trong khía cạnh sinh hoạt nước được thể hiện qua các dấu vết vật chất về thuyền bè, các mối quan hệ hàng hải trong lịch sử, vai trò của văn hóa biển trong sự chinh phục tự nhiên. Nhiều luận giải của tác giả, một số tài liệu trung dẫn cần được trao đổi thêm. Nhưng đây là cuốn sách đầu tiên đề cập đến văn hóa nước và hàng hải Việt Nam thời cổ, thể hiện sự lao động nghiêm túc của tác giả, góp phần vào việc khẳng định nền văn hóa biển Việt Nam của một cây bút nhiều tâm huyết và có những lợi thế nhất định.

Vũ Hữu San

VĂN HÓA NƯỚC VÀ HÀNG HẢI THỜI CỔ CỦA VIỆT NAM

(Nghiên cứu văn hóa)



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ